



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ

Báo Cáo Thường Niên Năm 2011



Đồng Nai, Ngày 20/04/2012

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị,

Trước hết, thay mặt cho HĐQT của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế, tôi xin có lời cảm ơn sâu sắc gửi tới toàn thể quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác kinh doanh và các cơ quan, đoàn thể đã chia sẻ, đồng cảm, sự cam kết gắn bó và nỗ lực để cùng với IFS vượt qua những trở ngại phía trước và đi đến thành công.

Trải qua hơn 20 năm hoạt động với nhiều thành quả thực tiễn được ghi nhận trên thị trường nước giải khát tại Việt Nam và các nước trong khu vực. Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế (“IFS”) vững vàng từng bước trên con đường chiến lược của mình với mục tiêu tiên quyết là:

- Tạo dựng thương hiệu bằng uy tín và chất lượng sản phẩm;
- Mang lại thịnh vượng cho cán bộ nhân viên;
- Đảm bảo hiệu quả đầu tư tối đa của gần một ngàn cổ đông;
- Đồng thời không ngừng đổi mới và hiện đại hóa về mọi mặt nhằm nâng cao chất lượng phát triển bền vững của Công ty.

Năm 2011 đánh dấu một thay đổi quan trọng tại IFS khi Kirin Holdings Company Limited đã trở thành cổ đông chiến lược của IFS. Với kinh nghiệm và mạng lưới rộng khắp của Kirin, chúng ta tin tưởng rằng sự kết hợp giữa tập đoàn Kirin và IFS sẽ đưa WONDERFARM phát triển lên một tầm cao hoàn toàn mới.

Trong năm 2011 tập thể Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và CBCNV của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế đã nỗ lực rất nhiều trên mọi lĩnh vực để thực hiện việc tái cấu trúc toàn diện, trong đó tập trung vào việc cải tiến chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn của Công ty đa quốc gia và thị hiếu người tiêu dùng, đồng thời xây dựng lại hệ thống bán hàng phù hợp với định hướng lâu dài của công ty. Sự tái cấu trúc trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh số của công ty trong năm 2011.

Năm 2012 chắc chắn sẽ còn nhiều khó khăn hơn ở phía trước khi nền kinh tế toàn cầu khủng hoảng, nhưng đây cũng là cơ hội hiếm có cho sự tăng trưởng khi người tiêu dùng quay lại với những sản phẩm có chất lượng quốc tế nhưng giá hợp lý, nếu chúng ta biết tận dụng cơ hội thì kết quả kinh doanh năm 2012 sẽ rất khả quan. IFS sẽ làm hết sức mình sẽ đáp ứng được kỳ vọng của các cổ đông.

Một lần nữa, tôi xin cảm ơn quý vị rất nhiều và kính chúc quý vị sức khỏe và thành công

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2012

Thay mặt Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
(Đã ký và đóng dấu)

MICHIO NAGABAYASHI

NỘI DUNG

- 1. Tổng quan công ty**
- 2. Những sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành phát triển của công ty**
- 3. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**
- 4. Báo cáo thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2011**
- 5. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và ban giám đốc**
 - 5.1. Khái quát chung về Công ty**
 - 5.2. Tổ chức và nhân sự**
 - 5.3. Những biến động làm ảnh hưởng đến kết quả HĐSXKD năm 2011**
 - 5.4. Danh mục nhãn hiệu**
 - 5.5. Sản phẩm và phân phối**
 - 5.6. Chiến lược đầu tư và phát triển**
 - 5.7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012**
 - 5.8. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2011**
 - 5.9. Cấu trúc cổ đông và cổ phiếu**
- 6. Báo cáo ban kiểm soát năm 2011 (bản copy)**
- 7. Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 31/12/2011 (bản copy)**
- 8. báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 31/12/2011 (bản copy)**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ Năm báo cáo: năm 2011

1. TỔNG QUAN CÔNG TY

Được thành lập từ năm 1991 với 20 năm hoạt động trong ngành công nghiệp thực phẩm và giải khát ở Việt Nam, Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế (sau đây gọi là “Interfood”) được xếp hạng là một trong những doanh nghiệp đứng đầu trong ngành công nghiệp nước trái cây và nhiều sản phẩm của Interfood đang giữ vị trí số 1 trên thị trường Việt Nam.

1.1. HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA INTERFOOD:

Hoạt động chính của công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, được muối, được ngâm dấm; sản xuất bánh quy, thức ăn nhẹ, nước ép trái cây có ga và nước ép trái cây có độ cồn thấp dưới 5%, nước tinh lọc đóng chai và sản xuất bao bì cho thực phẩm và nước giải khát.

1.2. TÂM NHÌN CỦA INTERFOOD

- Trở thành một công ty hấp dẫn và có giá trị cho khách hàng bằng cách mang lại sức khỏe, sự hài lòng và thoải mái đến với cuộc sống của khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm dựa trên nhu cầu của khách hàng.
- Trở thành một công ty đáng để mỗi nhân viên tự hào và tận hưởng một chất lượng cuộc sống tốt đẹp.
- Trở thành công ty hàng đầu trên thị trường nước giải khát của Việt Nam bằng cách chú trọng nhất quán vào người tiêu dùng và chất lượng sản phẩm và dịch vụ

1.3. QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA INTERFOOD

- **Chào hỏi**
 - Chúng tôi sẽ chào đón khách hàng và đồng nghiệp của chúng tôi với thiện chí và sự biết ơn để thúc đẩy mối quan hệ giữa mọi người.
- **Chân thành**
 - Chúng tôi sẽ luôn hành xử một cách chân thành để trở thành công ty được tín nhiệm bởi tất cả các bên như là khách hàng, cổ đông và toàn thể nhân viên của chúng tôi.
- **Tinh thần đồng đội**
 - Chúng tôi đánh giá cao tầm quan trọng của tinh thần đồng đội và hợp tác để tối đa hóa những gì chúng tôi có thể mang lại cho xã hội.
- **Tính chuyên nghiệp**
 - Chúng tôi tự hào là chuyên gia, những người cam kết về chất lượng tốt nhất và học hỏi liên tục.
- **Tập trung vào khách hàng**
 - Chúng tôi sẽ luôn hành động tập trung vào quan điểm của khách hàng để nhất quán cải thiện và tăng cường các sản phẩm của chúng tôi.

2. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY:

1991

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế (“IFPI”)) – được thành lập vào ngày 16/11/1991 theo giấy phép đầu tư số. 270/GP được cấp bởi Ủy ban Nhà nước về Hợp Tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư). IFPI là Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động theo luật Đầu Tư Nước Ngoài tại Việt Nam. IFPI hoàn toàn sở hữu bởi Trade Ocean Exporters Sdn Bhd (Penang, Malaysia). Vào năm 1996, IFPI được sở hữu bởi Công ty Trade Ocean Holding Sdn Bhd (Penang, Malaysia). Theo giấy phép số. 270/GPDC5 ngày 26/02/1996 được cấp bởi Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.

Hoạt động chính ban đầu của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối và ngâm dấm để xuất khẩu với tổng vốn đầu tư ban đầu là 1.140.000 USD.

1994

Năm 1994, Công ty mở rộng kinh doanh bằng việc thâm nhập vào thị trường bánh bích qui.

2003

Năm 2003, Công ty được phép Sản xuất các sản phẩm nước trái cây có gaz và nước trái cây có độ cồn nhẹ (5%); vốn đầu tư của Công ty tăng lên 23.000.000 USD.

2004

Tháng 4/2004, Interfood ký hợp đồng sản xuất với AVA Food Industries Ltd. để giảm bớt sự hạn chế về mặt bằng, nhà xưởng và vật tư tại nhà máy Biên Hòa, theo đó, AVA sẽ cung cấp mặt bằng, các tiện ích sản xuất... và Interfood sẽ cung cấp máy móc và kỹ thuật...

2005

Tháng 1 năm 2005, công ty được phép sản xuất thêm sản phẩm nước tinh khiết và chai PET; tổng vốn đầu tư tăng lên 30.000.000 USD.

Năm 2003, Nghị định 38/2003/NĐ – CP của Chính phủ Về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần được ban hành. IFPI là một trong 6 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên được Bộ Kế hoạch Đầu tư chấp thuận chuyển đổi hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Từ ngày 09/08/2005, Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế được chuyển thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood) theo Giấy phép số 270 CPH/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30,000,000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13,000,000 đô la Mỹ. Tổng cộng cổ phiếu của Công ty là 13,000,000 cổ phiếu với mệnh giá là 1 đô la Mỹ trên một cổ phiếu được nắm giữ bởi bốn cổ đông sáng lập.

2006

Công ty chuyển trụ sở và nhà máy chính đến địa điểm mới là Khu Công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Trong cùng năm, ngày 17 tháng 10 năm 2006, Công ty niêm yết 3,620,560 cổ phần

mới tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu đã được niêm yết dưới mã “IFS” tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2007

Ngày 16 tháng 10 năm 2007, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 5:1 với tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 6.875.359. Trong đó số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung thêm tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là 1.145.887 cổ phiếu theo Thư chấp thuận số 936/UBCK-QLPH của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 27 tháng 06 năm 2007; theo đó, tổng số cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết là 6.875.359 cổ phiếu.

Năm 2007, IFS mua lại 90% vốn góp tại Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA (“AVA”) (trước đây là AVA Food Industries Ltd) và trở thành cổ đông chi phối của công ty này. Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm; và cho thuê nhà xưởng.

2008

Trong năm 2008, Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Bao bì Thực phẩm Quốc Tế) đã thành lập với 90% vốn thuộc sở hữu của Công ty, với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 32 triệu đô la Mỹ và 10 triệu đô la Mỹ. Hoạt động chính của Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế là sản xuất bao bì thực phẩm và nước giải khát.

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế Miền Bắc đã được thành lập ở Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 36 triệu đô la

Mỹ và 11 triệu đô la Mỹ, IFS chiếm 90% vốn của công ty này. Tuy nhiên, công ty không thể thu xếp được nguồn vốn cho dự án hoạt động và đã hoàn tất việc chấm dứt dự án trong tháng 12 năm 2010

2009

Cuối năm 2009, Công ty đã ngừng hoạt động nhà máy trong nội ô của thành phố Biên Hòa và di dời tất cả các dây chuyền sản xuất, thiết bị, hàng tồn kho cho nhà máy trong Khu công nghiệp Tam Phước.

Trong năm 2009, Công ty đã chuyển nhượng 70% vốn góp tại Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế cho Crown Packaging Investment Pte.Ltd và trở thành cổ đông thiểu số nắm giữ 20% vốn góp tại công ty này. Sau đó, Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế đã đổi tên thành Công ty TNHH Bao bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”).

2010

Trong năm 2010 Công ty đã nhượng bán 20% lợi ích đầu tư còn lại của mình tại Công ty TNHH Bao bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”) cho Crown Packaging Investment Pte. Ltd

2011

Ngày 11 tháng 3 năm 2011, Kirin Holdings Company Limited (“Kirin”) đã mua toàn bộ cổ phần của Trade Ocean Holding Sdn Bhd. (“TOH”) và thông qua TOH, Kirin đang sở hữu 57.25% cổ phần Công ty. Kirin là một trong những công ty sản xuất thực phẩm lớn trong khu vực, một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Tokyo.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

3.1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được trình bày bằng đồng Đô la Mỹ

| | Thuyết minh | Mã số | 31 tháng 12 năm 2011 Đô- la Mỹ | 31 tháng 12 năm 2010 Đô- la Mỹ |
|---------------------------------------|----------------|----------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | | | | |
| Tiền | 7 | 111 | 1.978.801 | 130.854 |
| Các khoản phải thu | | | | |
| Phải thu khách hàng | | 131 | 416.774 | 434.257 |
| Trả trước cho nhà cung cấp | | 132 | 490.192 | 1.114.422 |
| Phải thu khác | | 135 | 64.141 | 140.650 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn | | 139 | - | (24.405) |
| | | 130 | 971.107 | 1.664.924 |
| Hàng tồn kho | | | | |
| Hàng tồn kho | 8 | 141 | 6.598.018 | 7.530.300 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 8 | 149 | - | (146.582) |
| | | 140 | 6.598.018 | 7.383.718 |
| Tài sản ngắn hạn khác | | | | |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | | 151 | 12.025 | 13.555 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | | 152 | 104.216 | - |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 9 | 154 | 106.907 | 106.907 |
| Tài sản ngắn hạn khác | | 158 | 41.885 | 77.129 |
| | | 150 | 265.033 | 197.591 |
| | | 100 | 9.812.959 | 9.377.087 |
| Tài sản dài hạn | | | | |
| Tài sản cố định | | | | |
| Tài sản cố định hữu hình | 10 | 221 | 19.056.730 | 21.111.296 |
| - Nguyên giá | | 222 | 34.296.280 | 34.328.710 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | | 223 | (15.239.550) | (13.217.414) |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 11 | 230 | 1.408.478 | 188.896 |
| | | 220 | 20.465.208 | 21.300.192 |
| Tài sản dài hạn khác | | | | |
| Chi phí trả trước dài hạn | 12 | 261 | 1.397.181 | 1.432.197 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 13,33 | 262 | 2.054.327 | 2.135.050 |
| Tài sản dài hạn khác | | 268 | 7.020 | 8.068 |
| | | 260 | 3.458.528 | 3.575.315 |
| | | 200 | 23.923.736 | 24.875.507 |
| | | 270 | 33.736.695 | 34.252.594 |

| | Thuyết minh | Mã số | 31 tháng 12 năm 2011 | 31 tháng 12 năm 2010 |
|-------------------------------------|-------------|-------|----------------------|----------------------|
| | | | Đô- la Mỹ | Đô- la Mỹ |
| Nguồn vốn | | | | |
| Nợ phải thu | | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | 14 | 311 | 19.000.000 | 15.334.594 |
| Phải trả người bán | 15 | 312 | 3.152.829 | 5.050.620 |
| Người mua trả tiền trước | | 313 | 151.256 | 249.998 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 16 | 314 | 184.576 | 538.567 |
| Phải trả người lao động | | 315 | 375.276 | 444.303 |
| Chi phí phải trả | 17 | 316 | 468.455 | 464.741 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 18 | 319 | 1.093.140 | 160.059 |
| | | 310 | 24.425.532 | 22.242.882 |
| Nợ dài hạn | | | | |
| Nhận ký quỹ dài hạn | | 331 | 1.255 | 1.255 |
| Vay và nợ dài hạn | 19 | 334 | 4.993.613 | 4.993.613 |
| Nợ thuế hoãn lại | 20 | 335 | 138.280 | 115.209 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | | 336 | 132.423 | 122.134 |
| | | 330 | 5.265.571 | 5.232.211 |
| | | 300 | 29.691.103 | 27.475.093 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu | | | | |
| Nguồn vốn và quỹ | | | | |
| Vốn cổ phần | 21,22 | 411 | 18.313.995 | 18.313.995 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 21 | 412 | 4.082.759 | 4.082.759 |
| Các quỹ khác | 21 | 419 | (1.562.092) | (1.562.092) |
| Lỗi lũy kế | 21 | 420 | (16.812.730) | (14.057.161) |
| | | 410 | 4.021.932 | 6.777.501 |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | | | | |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | 23 | 439 | 23.660 | - |
| | | 430 | 4.045.592 | 6.777.501 |
| | | 440 | 33.736.695 | 34.252.594 |

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

| | | 31 tháng 12 năm 2011 | 31 tháng 12 năm 2010 |
|----------------------------|--|----------------------|----------------------|
| Ngoại tệ các loại | | | |
| Đồng Việt Nam (triệu đồng) | | 5.641 | 1.568 |
| Euro | | 383 | 369 |

Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được Công ty chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam

| | Thuyết minh | Mã số | 31 tháng 12 năm 2011 Triệu Đồng | 31 tháng 12 năm 2010 Triệu Đồng |
|---------------------------------------|----------------|----------|------------------------------------|------------------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | | | | |
| Tiền | 7 | 111 | 41.214 | 2.477 |
| Các khoản phải thu | | | | |
| Phải thu khách hàng | | 131 | 8.681 | 8.221 |
| Trả trước cho nhà cung cấp | | 132 | 10.210 | 21.098 |
| Phải thu khác | | 135 | 1.335 | 2.663 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn | | 139 | - | (462) |
| | | 130 | 20.226 | 31.520 |
| Hàng tồn kho | | | | |
| Hàng tồn kho | 8 | 141 | 137.424 | 142.564 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 8 | 149 | - | (2.775) |
| | | 140 | 137.424 | 139.789 |
| Tài sản ngắn hạn khác | | | | |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | | 151 | 250 | 257 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | | 152 | 2.171 | - |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 9 | 154 | 2.227 | 2.024 |
| Tài sản ngắn hạn khác | | 158 | 872 | 1.460 |
| | | 150 | 5.520 | 3.741 |
| | | 100 | 204.384 | 177.527 |
| Tài sản dài hạn | | | | |
| Tài sản cố định | | | | |
| Tài sản cố định hữu hình | 10 | 221 | 396.914 | 399.679 |
| - Nguyên giá | | 222 | 714.323 | 649.911 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | | 223 | (317.409) | (250.232) |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 11 | 230 | 29.336 | 3.576 |
| | | 220 | 426.250 | 403.255 |
| Tài sản dài hạn khác | | | | |
| Chi phí trả trước dài hạn | 12 | 261 | 29.100 | 27.114 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 13,33 | 262 | 42.788 | 40.421 |
| Tài sản dài hạn khác | | 268 | 146 | 153 |
| | | 260 | 72.034 | 67.688 |
| | | 200 | 498.284 | 470.943 |
| | | 270 | 702.668 | 648.470 |

| | Thuyết minh | Mã số | 31 tháng 12 năm 2011 Triệu Đồng | 31 tháng 12 năm 2010 Triệu Đồng |
|-------------------------------------|----------------|----------|--|--|
| Nguồn vốn | | | | |
| Nợ phải thu | | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | 14 | 311 | 395.732 | 290.315 |
| Phải trả người bán | 15 | 312 | 65.667 | 95.618 |
| Người mua trả tiền trước | | 313 | 3.150 | 4.733 |
| Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước | 16 | 314 | 3.844 | 10.196 |
| Phải trả người lao động | | 315 | 7.816 | 8.412 |
| Chi phí phải trả | 17 | 316 | 9.757 | 8.798 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 18 | 319 | 22.769 | 3.030 |
| | | 310 | 508.735 | 421.102 |
| Nợ dài hạn | | | | |
| Nhận ký quỹ dài hạn | | 333 | 26 | 24 |
| Vay và nợ dài hạn | 19 | 334 | 104.007 | 94.539 |
| Nợ thuế hoãn lại | 20 | 335 | 2.880 | 2.181 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | | 336 | 2.758 | 2.312 |
| | | 330 | 109.671 | 99.056 |
| | | 300 | 618.406 | 520.158 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu | | | | |
| Nguồn vốn và quỹ | | | | |
| Vốn cổ phần | 21,22 | 411 | 381.444 | 346.721 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 21 | 412 | 85.036 | 77.295 |
| Các quỹ khác | 21 | 419 | (32.535) | (29.574) |
| Lỗi lũy kế | 21 | 420 | (350.176) | (266.130) |
| | | | 83.769 | 128.312 |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | | | | |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | 23 | 439 | 493 | - |
| | | 410 | 84.262 | 128.312 |
| | | 440 | 702.668 | 648.470 |

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

| | | 31 tháng 12 năm 2011 | 31 tháng 12 năm 2010 |
|----------------------------|--|----------------------|----------------------|
| Ngoại tệ các loại | | | |
| Đồng Việt Nam (triệu Đồng) | | 5.641 | 1.568 |
| Euro | | 383 | 369 |

3.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đã được trình bày bằng đồng Đô la Mỹ

| | Thuyết minh | Mã số | Năm kết thúc ngày 31/12/2011 Đô- la Mỹ | Năm kết thúc ngày 31/12/ 2010 Đô- la Mỹ |
|---|----------------|----------|---|---|
| Tổng doanh thu | 24 | 01 | 43.905.391 | 55.610.913 |
| Các khoản giảm trừ | 24 | 02 | (1.148.305) | (1.427.294) |
| Doanh thu thuần | | 10 | 42.757.086 | 54.183.619 |
| Giá vốn hàng bán | 25 | 11 | (35.600.946) | (41.362.168) |
| Lợi nhuận gộp | | 20 | 7.156.140 | 12.821.451 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 26 | 21 | 1.599.913 | 1.748.622 |
| Chi phí hoạt động tài chính | 27 | 22 | (2.052.684) | (3.261.430) |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | | 23 | (1.395.373) | (1.855.247) |
| Chi phí bán hàng | 28 | 24 | (7.186.764) | (7.985.673) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 29 | 25 | (1.869.546) | (2.682.000) |
| Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh | | 30 | (2.352.941) | 640.970 |
| Thu nhập khác | 30 | 31 | 528.006 | 712.511 |
| Chi phí khác | 31 | 32 | (803.180) | (734.880) |
| Lợi nhuận khác | | | (275.174) | (22.369) |
| Lãi (lỗ) trước thuế | | 50 | (2.628.115) | 618.601 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 33 | 51 | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 33 | 52 | (103.794) | (236.004) |
| Lãi (lỗ) thuần | | | (2.731.909) | 382.597 |
| Lãi (lỗ) cho cổ đông thiểu số | 23 | 59 | 23.660 | - |
| Lãi (lỗ) thuần trong năm cho cổ đông Công ty mẹ | | 60 | (2.755.569) | 382.597 |
| Lãi (lỗ) trên cổ phiếu – cơ bản và suy giảm | | | (0,095) | 0,013 |

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đã được Công ty chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam

| | Thuyết minh | Mã số | Năm kết thúc ngày 31/12/2011 Triệu Đồng | Năm kết thúc ngày 31/12/2010 Triệu Đồng |
|--|-------------|-------|---|---|
| Tổng doanh thu | 24 | PL01 | 914.461 | 1.052.826 |
| Các khoản giảm trừ | 24 | PL02 | (23.916) | (27.022) |
| Doanh thu thuần | | | 890.545 | 1.025.804 |
| Giá vốn hàng bán | 25 | PL11 | (741.497) | (783.069) |
| Lợi nhuận gộp | | | 149.048 | 242.735 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 26 | PL21 | 33.323 | 33.105 |
| Chi phí hoạt động tài chính | 27 | PL22 | (42.753) | (61.745) |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | | | <i>29.063</i> | <i>35.124</i> |
| Chi phí bán hàng | 28 | PL24 | (149.686) | (151.185) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 29 | PL25 | (38.939) | (50.776) |
| Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh | | | (49.007) | 12.134 |
| Thu nhập khác | 30 | PL31 | 10.997 | 13.489 |
| Chi phí khác | 31 | PL32 | (16.728) | (13.912) |
| Lợi nhuận khác | | | (5.731) | (423) |
| Lãi (lỗ) trước thuế | | | (54.738) | 11.711 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 33 | PL51 | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 33 | PL52 | (2.162) | (4.468) |
| Lãi (lỗ) thuần | | | (56.900) | 7.243 |
| Lãi (lỗ) cho cổ đông thiểu số | 23 | PL59 | 493 | - |
| Lãi (lỗ) thuần trong năm cho cổ đông Công ty mẹ | | PL60 | (57.393) | 7.243 |
| Lãi (lỗ) trên cổ phiếu – cơ bản và suy giảm – Đồng | | | (1.969) | 249 |

4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2011

| CHỈ TIÊU | Kế hoạch 2011 | | Thực hiện 2011 | | +/- % |
|--|--------------------|-----------------|-------------------|-----------------|---------------|
| | USD | Triệu VND | USD | Triệu VND | |
| Tổng doanh thu | 45,203,690 | 932,010 | 43,905,391 | 914,461 | -3% |
| <u>Các khoản giảm trừ</u> | <u>-203,690</u> | <u>-4,200</u> | <u>-1,148,305</u> | <u>-23,916</u> | 464% |
| Doanh thu thuần | 45,000,000 | 927,810 | 42,757,086 | 890,545 | -5% |
| Giá vốn hàng bán | -34,345,928 | -708,144 | - | -741,497 | |
| | | | 35,600,946 | | 4% |
| <u>Lợi nhuận gộp</u> | <u>10,654,072</u> | <u>219,666</u> | <u>7,156,140</u> | <u>149,048</u> | -33% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 863,893 | 17,812 | 1,599,913 | 33,323 | 85% |
| Chi phí hoạt động tài chính | -1,430,798 | -29,500 | -2,052,684 | -42,753 | 43% |
| Chi phí bán hàng | -7,949,073 | -163,894 | -7,186,764 | -149,686 | -10% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | -2,087,999 | -43,050 | -1,869,546 | -38,939 | -10% |
| <u>Công chi phí</u> | <u>-10,603,978</u> | <u>-218,633</u> | <u>-9,509,081</u> | <u>-198,055</u> | -10% |
| Lãi từ hoạt động kinh doanh | 50,094 | 1,033 | -2,352,941 | -49,007 | -4797% |
| <u>Lãi khác thuần</u> | <u>48,906</u> | <u>1,008</u> | <u>-275,174</u> | <u>-5,731</u> | -663% |
| <u>Lãi/ (lỗ) trước thuế</u> | <u>99,000</u> | <u>2,041</u> | <u>-2,628,115</u> | <u>-54,738</u> | -2755% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | 0 | 0 | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | 0 | -103794 | (2,162) | |
| <u>Lãi/(lỗ) sau thuế</u> | <u>99,000</u> | <u>2,041</u> | <u>-2,731,909</u> | <u>-56,900</u> | -2860% |

Năm 2011, lỗ trước thuế của Công ty Cổ phần thực phẩm Quốc tế là 2,6 triệu USD, không đạt theo kế hoạch đặt ra là lãi 99 ngàn USD. Nguyên nhân dẫn đến việc Công ty không đạt chỉ tiêu lợi nhuận đặt ra như sau:

4.1. Doanh thu bán hàng

Doanh thu thuần bán hàng của công ty đạt 43,9 triệu USD, giảm 3% so với số kế hoạch là 45,2 triệu USD. Nguyên nhân: Ngoài những nguyên nhân khách quan như kinh tế khó khăn, lạm phát cao, người dân thắt chặt chi tiêu đối với các sản phẩm không thiết yếu, còn có các nguyên nhân chủ quan từ công ty là do công ty đang trong quá trình tái cấu trúc, ban điều hành mới của công ty đang thực hiện việc tái cấu trúc toàn diện trong đó tập trung vào việc cải tiến chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn của công ty đa quốc gia và thị hiếu của người tiêu dùng, tập trung sản xuất các sản phẩm chủ lực và loại bỏ sản xuất các sản phẩm không có tính cạnh tranh, cải tiến chính sách bán hàng đối với các kênh bán hàng và nhân viên bán hàng và sắp xếp lại hệ thống bán hàng phù hợp với định hướng lâu dài của công ty, tác động tích cực của việc tái cấu trúc có độ trễ và ảnh hưởng trực tiếp đến doanh số của công ty trong giai đoạn hiện tại.

4.2. Giá vốn hàng bán

Chi phí Giá vốn hàng bán thực hiện là 35.6 triệu USD, cao hơn số kế hoạch là 34.3 triệu USD, tăng 4 % so với kế hoạch. Nguyên nhân của việc chi phí giá vốn hàng bán tăng là do:

- Doanh thu giảm, trong khi chi phí cố định trong giá vốn hàng bán không giảm.
- Chi phí Nguyên vật liệu, bao bì tăng cao, đặc biệt giá mua lon nhôm tăng khoảng 10% so với năm 2010.

- Chi phí nhân công tăng cao, theo qui định lương tối thiểu người lao động trong năm tăng dẫn đến các bậc lương khác người lao động cũng tăng cao, trong năm 2011 tỉ lệ tăng lương của người lao động tăng khoảng 16 % so với năm 2010.

4.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập từ hoạt động tài chính ở mức 1.6 triệu USD trong năm 2011 chủ yếu liên quan đến các khoản lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá. Do biến động tỷ giá khoảng 10 % trong năm 2011, dẫn đến việc công ty đạt mức thực hiện của chỉ tiêu thu nhập từ hoạt động tài chính tăng 85 % so với kế hoạch.

4.4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính trong năm 2011 liên quan đến chi phí lãi vay 1.395 triệu USD và lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá là 649 ngàn USD. Chi phí tài chính giảm 7% so với chi phí dự kiến 1.430 triệu. Nguyên nhân là mặc dù ảnh hưởng mức lãi suất tiền vay trong năm 2011 tăng cao hơn năm 2010, tuy nhiên từ quý 2 năm 2011 công ty nhận được khoản vay nội bộ nước ngoài với lãi suất thấp (khoảng 1.7% năm) để thanh toán các khoản vay ngân hàng trong nước với lãi suất cao và bổ sung vốn lưu động, do đó tổng chi phí lãi vay giảm. Tuy nhiên tổng chi phí tài chính tăng do ảnh hưởng của mức thay đổi chênh lệch tỷ giá trong năm.

4.5. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng giảm khoảng 10 % ảnh hưởng chủ yếu từ việc giảm sút doanh số dẫn đến chi phí hoa hồng bán hàng cho đội ngũ bán hàng giảm tương ứng, tuy nhiên chi phí vận chuyển hàng hóa còn khá cao do ảnh hưởng của tăng giá xăng dầu trong năm. Mặt khác, Công ty phải tăng cường xúc tiến để thu hút khách hàng, tăng cường hình ảnh thương hiệu và tăng doanh số bán hàng trong quý cuối cùng của năm cũng như chuẩn bị kế hoạch cho năm tiếp theo.

5. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

5.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY :

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế (“IFPI”)) - tên tiếng Anh là Interfood Shareholding Company - (“Công ty” hoặc “IFS”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991 và các sửa đổi sau đó. Công ty hoàn toàn sở hữu bởi Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd. (“TOH”). Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd, thành lập và đăng ký tại Malaysia.

Hoạt động chính ban đầu của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối và ngâm dấm để xuất khẩu với tổng vốn đầu tư ban đầu là 1.140.000 USD.

Năm 1994, Công ty mở rộng kinh doanh bằng việc thâm nhập vào thị trường bánh bích qui.

Năm 2003, Công ty được phép Sản xuất các sản phẩm nước trái cây có gaz và nước trái cây có độ cồn nhẹ (5%); vốn đầu tư của Công ty tăng lên 23.000.000 USD.

Tháng 1 năm 2005, công ty được phép sản xuất thêm sản phẩm nước tinh khiết và chai PET; tổng vốn đầu tư tăng lên 30.000.000 USD.

Năm 2003, Nghị định 38/2003/NĐ – CP của Chính phủ Về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần được ban hành. IFPI là một trong 6 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên được Bộ Kế hoạch Đầu tư chấp thuận chuyển đổi hoạt động sang hình thức công ty cổ phần. Từ ngày 09/08/2005, Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế được chuyển thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“IFS”) theo Giấy phép số 270 CPH/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30,000,000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13,000,000 đô la Mỹ. Tổng cộng cổ phiếu của Công ty là 13,000,000 cổ phiếu với mệnh giá là 1 đô la Mỹ trên một cổ phiếu được nắm giữ bởi bốn cổ đông sáng lập.

Năm 2006, Công ty chuyển trụ sở và các hoạt động chính đến nhà máy mới tại là Khu Công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trong cùng năm, ngày 17 tháng 10 năm 2006, Công ty niêm yết 3,620,560 cổ phần mới tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (“HOSE”). Cổ phiếu công ty được giao dịch dưới mã chứng khoán: “IFS” .

Ngày 16 tháng 10 năm 2007, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 5:1 với tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 6.875.359. Trong đó số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung thêm tại HOSE là 1.145.887 cổ phiếu theo văn bản chấp thuận số 936/UBCK-QLPH của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 27 tháng 06 năm 2007; theo đó, tổng số cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết là 6.875.359 cổ phiếu.

Năm 2007, IFS mua lại 90% vốn góp tại Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA (“AVA”) và trở thành cổ đông chi phối của công ty này. Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm; và cho thuê nhà xưởng.

Trong năm 2008, Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Bao bì Thực phẩm Quốc tế) được thành lập với 90% vốn thuộc sở hữu của Công ty, với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 32 triệu đô la Mỹ và 10 triệu đô la Mỹ. Hoạt động chính của Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế là sản xuất bao bì thực phẩm và nước giải khát. Trong năm 2009, Công ty đã chuyển nhượng 70% vốn góp, đến 2010 Công ty đã nhượng bán tiếp 20% vốn góp còn lại tại Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế (nay là Công ty TNHH Bao bì Nước giải khát Crown Đông Nai (“Crown Đông Nai”)) cho Crown Packaging Investment Pte. Ltd .

Năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế Miền Bắc (trong đó IFS chiếm 90% vốn góp) đã được thành lập ở Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 36 triệu đô la Mỹ và 11 triệu đô la Mỹ. Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế Miền Bắc không thể thu xếp được nguồn vốn cho dự án hoạt động nên đã hoàn tất việc chấm dứt dự án trong tháng 12 năm 2010

Tháng 3 năm 2011, Kirin Holdings Company Limited (“Kirin”) đã mua toàn bộ cổ phần của Trade Ocean Holdings Sdn Bhd. (“TOH”). Thông qua TOH, Kirin đang sở hữu 57.25% cổ phần Công ty. Kirin - một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Tokyo, là một trong những công ty sản xuất thực phẩm lớn trong khu vực, .

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nhóm công ty có 828 nhân viên (năm 2010: 1.267 nhân viên).

5.2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

5.2.1. DANH SÁCH THÀNH VIÊN CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY

a. Hội đồng quản trị Công ty:

| Số TT | Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm | Miễn nhiệm |
|-------|---------------------|---------------|------------|------------|
| 1 | PANG TEE CHIANG | Chủ tịch HĐQT | 15/08/2006 | 31/05/2011 |
| 2 | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN | Thành viên | 15/08/2006 | |
| 3 | PANG TZE YI | Thành viên | 15/08/2006 | 14/03/2011 |
| 4 | TENG PO WEN | Thành viên | 15/08/2006 | 14/03/2011 |
| 5 | PANG TZE WEI | Thành viên | 28/08/2010 | |
| 6 | RYOICHI YONEMURA | Thành viên | 14/03/2011 | |
| 7 | HIROSHI FUJIKAWA | Thành viên | 14/03/2011 | |
| 8 | MICHIO NAGABAYASHI | Chủ tịch HĐQT | 31/05/2011 | |

b. Ban giám đốc Công ty:

| Số TT | Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm | Miễn nhiệm |
|-------|---------------------|---------------------|------------|------------|
| 1 | PANG TEE CHIANG | Tổng giám đốc | 15/08/2006 | 23/05/2011 |
| 2 | PANG TZE YI | Phó Tổng giám đốc 1 | 11/01/2010 | 14/03/2011 |
| 3 | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN | Giám đốc | 15/08/2006 | |
| 4 | PANG TZE WEI | Phó Tổng giám đốc 2 | 29/08/2010 | 23/05/2011 |
| 5 | MICHIO NAGABAYASHI | Tổng giám đốc | 23/05/2011 | |
| 6 | HAJIME KOBAYASHI | Giám đốc | 23/05/2011 | |
| 7 | KAZUFUMI NAGASHIMA | Giám đốc | 23/05/2011 | |
| 8 | HIDEFUMI MATSUO | Giám đốc | 23/05/2011 | |

5.2.2. TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

- 1.Họ và tên : **MICHIO NAGABAYASHI**
- 2.Giới tính: Nam
- 3.Ngày tháng năm sinh: 14/10/1964
- 4.Nơi sinh: Tokyo – Japan
- 5.Quốc tịch : Japan
- 6.Dân tộc: Japanese
- 7.Quê quán: Tokyo,Japan
- 8.Địa chỉ thường trú: 1-18-21 Minami Oizumi Nerimaku Tokyo Japan
- 9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: + 083 8277226
- 10.Trình độ văn hóa : Đại học
- 11.Trình độ chuyên môn :
- 12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - /Deputy Manager marketing Department Kirin
 - /Temporary Transfer French Alcohol Company
 - /General Manager Regional Department of Miyazaki Prefecture Kirin
13. Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- 1.Họ và tên: **RYOICHI YONEMURA**
- 2.Giới tính : Nam
- 3.Ngày tháng năm sinh: August 15, 1959
- 4.Nơi sinh : Hokkaido, Japan
- 5.Quốc tịch : Japan
- 6.Dân tộc : Japanese
- 7.Quê quán : Hokkaido,Japan
- 8.Địa chỉ thường trú: 16-1 Matsukazedai, Aoba-ku, Yokohama-City, Kanagawa, Japan
- 9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : +81 3 5540 3587
- 10.Trình độ văn hóa: Đại học
- 11.Trình độ chuyên môn: Bachelor of Commerce and Management
- 12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
Giám đốc Phòng Tài chính và kế toán Kirin Business Expert Company, Limited
- 13.Chức vụ công tác hiện nay:
Tổng giám đốc - phòng kế hoạch và chiến lược Kirin Holdings Company, Limited
Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1.Họ và tên: **HIROSHI FUJIKAWA**

2.Giới tính: Nam

3.Ngày tháng năm sinh: **May 6th, 1963**

5.Quốc tịch: Japan

6.Dân tộc: Japanese

7.Quê quán: Tokyo,Japan

8.Địa chỉ thường trú: 6-18, Sotokanda, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan

9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: +65 6832 5084

10.Trình độ văn hóa: Đại học

11.Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật , chính trị

12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Phó tổng giám đốc - Phòng kế hoạch và chiến lược Kirin Holdings Company, Limited

13.Chức vụ công tác hiện nay:

Giám đốc điều hành Kirin Holdings Singapore

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- 1.Họ và tên: **HIDEFUMI MATSUO**
- 2.Giới tính: Nam
- 3.Ngày tháng năm sinh: 25/10/1972
- 4.Nơi sinh: Kanagawa
- 5.Quốc tịch: Japan
- 6.Dân tộc: Japanese
- 7.Quê quán: Kanagawa, Japan
- 8.Địa chỉ thường trú: 4-50-9-2 Kamiasao, Asao-ku, Kawasaki City, Kanagawa, Japan
- 9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : +84 613 511138
- 10.Trình độ văn hóa: Đại học
- 11.Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- 12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
/Deputy Manager of Finance Section Finance and Accounting Department Kirin Group Office
- 13.Chức vụ công tác hiện nay:
- Giám đốc Kiểm soát tài chính Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ KIM LIÊN**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày tháng năm sinh: 26/06/1967
4. Nơi sinh: Nam Định, Việt Nam
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán : Quảng Nam, Việt Nam
8. Địa chỉ thường trú : 123/17/8 Quốc Lộ 1, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam
9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : +84 613 511138
10. Trình độ văn hóa: Đại học
11. Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học Kinh Tế, chuyên ngành Kế toán, chứng chỉ kế toán trưởng do Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- 12. Quá trình công tác** (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - . 1990 – 1992 Nhà máy dệt Thống Nhất Kế toán công ty
 - . 1992 – 1994 Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế. Phụ trách kế toán
 - . 1995 – 2003 Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế. Kế toán trưởng
 - . 2003 – nay Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế. Giám đốc tài chính
 - . 11/2001- nay Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế. Thành viên ban giám đốc
(Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế.)
 - . 9/2005 – nay Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế. Thành viên hội đồng quản trị
(Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế.)
13. Chức vụ công tác hiện nay:
 - Giám đốc tài chính / Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1.Họ và tên: **PANG TZE WEI**

2.Giới tính: Nam

3.Ngày tháng năm sinh: 8/06/1988

4.Nơi sinh: Malaysia

5.Quốc tịch: Malaysian

6.Dân tộc: Trung Hoa

7.Quê quán: Malaysia

8.Địa chỉ thường trú :

30 Cangkat Minden Jalan 1,11700 Gelugor, Penang, Malaysia

9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan :+84 8 3827 7226

10.Trình độ văn hóa: Đại học

11.Trình độ chuyên môn: Simon Fraser University

Bachelor of Business Administration, Concentration Finance

12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Trade Ocean Holdings Sdn Bhd:

- Giám đốc (2008 – 2010)

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế:

- Trợ lý đặc biệt cho Chủ tịch (2006 – 2010)

- Phó tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị (2010 – 23/05/2011)

13. Chức vụ công tác hiện nay:

- Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

5.2.3. BAN KIỂM SOÁT

| Số TT | Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm | Miễn nhiệm |
|-------|--------------------|------------|------------|------------|
| 1 | THÁI THU THẢO | Trưởng ban | 28/09/2009 | |
| 2 | SAW HENG SOO | Thành viên | 28/09/2009 | 30/07/2011 |
| 3 | LÂM QUYỀN QUÝ | Thành viên | 28/09/2009 | 30/07/2011 |
| 4 | HAJIME KOBAYASHI | Thành viên | 30/07/2011 | |
| 5 | KAZUFUMI NAGASHIMA | Thành viên | 30/07/2011 | |

5.2.4. TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

- Họ và tên: **THÁI THU THẢO**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 23/7/1966
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gò Vấp – Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú: 487/56 Lê Quang Định, F.1, Q. Gò Vấp, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (84).8.38275711
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Đại học, Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 1989 – 1992: Phó phòng kế toán -Cty Linh Xuân
 - 1992 – 1993: Kế toán -Trường Hoa Sen
 - 1993 – 1997: Kế toán tổng hợp - Cty Triumph International Vietnam Ltd.
 - 1998 – 2000: Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kinh doanh – Trường tin học Informatics
 - 2000 – 2003: Kế toán trưởng - Cty ADCo. (Asphalt Distribution Company)
 - 2003 – nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng – Cty TNHH Saigon RDC
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng - Cty TNHH Saigon RDC
 - Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- 1.Họ và tên: **HAJIME KOBAYASHI**
- 2.Giới tính: Nam
- 3.Ngày tháng năm sinh: 05/07/1965
- 4.Nơi sinh: Nagano, Japan
- 5.Quốc tịch: Japan
- 6.Dân tộc: Japanese
- 7.Quê quán: Nagano,Japan
- 8.Địa chỉ thường trú: 3-5 Namamugi, Tsurumi-ku, Yokohama-City, Kanagawa, Japan
- 9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: +84 613 511138
- 10.Trình độ văn hóa: Đại học
- 11.Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- 12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
Phó tổng giám đốc - Phòng kế hoạch và chiến lược Kirin Holdings Company, Limited
- 13.Chức vụ công tác hiện nay :
- Giám đốc kế hoạch / Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- 1.Họ và tên: **KAZUFUMI NAGASHIMA**
- 2.Giới tính: Nam
- 3.Ngày tháng năm sinh: 25 /03/1966
- 4.Nơi sinh: Fukuoka, Japan
- 5.Quốc tịch: Japan
- 6.Dân tộc : Japanese
- 7.Quê quán: Fukuoka,Japan
- 8.Địa chỉ thường trú: 22-33 Imayakami-cho, Kashiwa-City, Chiba Pref., 277-0074, Japan
- 9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: +84 613 511138
- 10.Trình độ văn hóa: Đại học
- 11.Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- 12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - /R&D Staff, Packaging Development Department, Kirin
 - /Loughborough University of Technology in UK
 - /Senior Staff of Brewing and Utility Section, Kobe Plant, Kirin
 - /Senior Staff of Packaging section, Toride Plant, Kirin.
 - /Manager of Production & Quality Section, Production & Quality Control Dept. Kirin.
 - /Manager of Packaging Section, Okayama Plant, Kirin
13. Chức vụ công tác hiện nay:
 - Giám đốc nhà máy / Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

5.2.5. BÁO CÁO THÙ LAO HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 của công ty đã quyết định không kê khai và thanh toán thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2011 do hoạt động kinh doanh của công ty bị lỗ trong năm 2011.

5.3. NHỮNG BIẾN ĐỘNG LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2011

5.3.1. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ KINH TẾ

a/ Tình hình thế giới

Tại Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới đang có những bước tiến cần thiết để khôi phục niềm tin của nhà đầu tư như giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống 8,6%, mức thấp nhất 2,5 năm, giữ giá tiêu dùng không tăng trong tháng gần đây nhất (tháng 11/2011). Còn nền kinh tế châu Âu gần như chắc chắn sẽ rơi vào suy thoái. Toàn bộ 17 nước khu vực đồng tiền chung Eurozone đều lần lượt bị các tổ chức xếp hạng tín dụng hàng đầu thế giới cảnh báo hạ bậc xếp hạng, hoặc đã thực hiện việc hạ bậc xếp hạng (trong tháng 12/2011). Tại những nền kinh tế khác, tình hình có vẻ cũng không khả quan hơn nhiều.

Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới lại đang bộc lộ lỗ hổng quá lớn trong mô hình tăng trưởng của mình. Thị trường bất động sản đang bắt đầu chuỗi phản ứng tiêu cực đối với giới kinh doanh, các nhà đầu tư và nguồn thu thuế của chính phủ. Sự bùng nổ trong ngành xây dựng, từng là động lực của nền kinh tế này đã chững lại, xuất khẩu cũng chậm hơn khi nhu cầu từ Mỹ và châu Âu đều sụt giảm. Bên cạnh đó, tỷ lệ lạm phát, dù đã có xu hướng giảm nhưng vẫn còn ở mức cao sẽ là những cản trở lớn đối với chính quyền Bắc Kinh khi muốn thực thi các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Thị trường chứng khoán, các kênh đầu tư truyền thống như vàng, USD, bất động sản lại trở nên quá mạo hiểm. Tốc độ phục hồi của lĩnh vực sản xuất cũng là điều mà các nhà kinh tế thực sự lo ngại. Trong khi đó tỉ lệ thất nghiệp ở các nước Châu Âu và Mỹ vẫn duy trì ở mức cao, lạm phát tăng cao, đời sống khó khăn, nên nhiều cuộc biểu tình của dân chúng luôn nổ ra ở nhiều nước.

Tiền tệ mất giá là một trong những vấn đề lớn. Các quốc gia không thể đồng loạt giảm giá tiền tệ và cải thiện cán cân xuất khẩu. Bởi vậy, mỗi quyết định của một quốc gia sẽ tác động đến nhiều đối tác thương mại toàn cầu và chắc chắn sẽ vấp phải những phản đối không nhỏ. Trong bối cảnh lạm phát, hầu hết các quốc gia lựa chọn chính sách thắt chặt tiền tệ để kiềm chế tốc độ tăng phi mã của chỉ số này. Tuy nhiên, những chính sách tiền tệ đang ngày càng trở nên ít hiệu quả hơn. Vấn đề này đã thực sự nghiêm trọng đối với những nền kinh tế phát triển và cũng là vấn đề khó đối với các quốc gia còn lại. (*Nguồn: Trung Tâm Thông Tin Công nghiệp và Thương Mại*)

b/ Tại Việt Nam:

+ Tình hình chung

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2011 đã đạt được những kết quả tích cực bước đầu so với năm 2010. Nhờ thực hiện mạnh mẽ, đồng bộ nhiều giải pháp của Chính phủ, mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô đã đạt được kết quả khả quan. Theo Tổng cục Thống kê, Từ quý II, tốc độ tăng giá đã giảm dần, chỉ số giá tiêu dùng đã được kiềm chế tốt dưới 1% trong 4 tháng cuối năm 2011, cả năm 2010 tăng 18,13%. Lãi suất tín dụng có xu hướng giảm trong các tháng cuối năm 2011; xuất khẩu tăng 33,3% so với năm 2010, vượt chỉ tiêu đề ra; nhập siêu bằng 9,9% tổng kim ngạch xuất khẩu, thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu Quốc hội đề ra là 18%; dự trữ ngoại hối tăng từ 3,5

tuần nhập khẩu lên 7,5 tuần nhập khẩu, bội chi ngân sách giảm xuống 4,9% GDP (kế hoạch là 5,3%)

Kinh tế có sự tăng trưởng liên tục, quý sau cao hơn quý trước, GDP cả nước năm 2011 ước tăng 5,89% trong đó, nông lâm thủy sản tăng 4%, công nghiệp và xây dựng tăng 5,53%, khu vực dịch vụ tăng 6,99%,

+ Tài chính, ngân hàng

Năm 2011 tỷ giá vẫn được xem là biến số nóng nhất của nền kinh tế Việt Nam khi NHNN quyết định điều chỉnh tỷ giá chính thức tăng 9,3% vào tháng 2/2011. Tuy nhiên, nhờ những chính sách bình ổn ngoại hối: (1) tăng dự trữ bắt buộc ngoại tệ, hạ trần lãi suất huy động ngoại tệ xuống mức thấp, (2) dự trữ ngoại hối cũng tăng mạnh từ 2,5 tuần lên gần 6,5 tuần nhập khẩu và (3) sự quản lý chặt chẽ của NHNN, tỷ giá đã bắt đầu hạ nhiệt từ quý 2/2011 và vẫn trong vòng kiểm soát cho đến thời điểm hiện tại.

Năm 2011 là năm toàn bộ nền kinh tế tập trung cao nhất cho mục kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Trong đó, hệ thống ngân hàng thương mại giữ vai trò chủ đạo với việc bị áp đặt các chỉ tiêu cụ thể về tăng trưởng tín dụng, tổng phương tiện thanh toán, cơ cấu tín dụng... Nhìn chung, kết quả thực hiện đều tốt hơn hẳn các chỉ tiêu đề ra. Tuy nhiên, các hệ lụy tiêu cực của nó lên cả nền kinh tế nói chung và hệ thống tài chính ngân hàng nói riêng là khá lớn

+ Thị trường chứng khoán

Nhìn chung, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2011 giảm mạnh trên cả hai sàn trước sức ép vĩ mô thuộc về nội tại nền kinh tế. Đà giảm kéo dài trong cả năm tài khóa và không có nhiều giai đoạn phục hồi đủ mạnh. Năm 2011, VN-Index đã mất gần 26%, HNX-Index thậm chí đã mất đến gần 47%, một trong những nguyên nhân chính là Ngân hàng nhà nước thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kìm hãm lạm phát, việc đồng nội tệ liên tục mất giá khiến cho dòng tiền đầu tư nước ngoài sụt giảm.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2011

| Chỉ tiêu | ĐVT | HOSE | HNX | UPCOM |
|------------------------------|--------|---------|---------|--------|
| Chỉ số đầu năm | Điểm | 485.7 | 113.4 | 45.3 |
| Chỉ số cuối năm | Điểm | 351.6 | 58.7 | 33.8 |
| Tăng/(giảm) chỉ số trong năm | Điểm | (134.4) | (54.6) | (11.3) |
| Tỷ lệ tăng/(giảm) chỉ số | % | (27.7%) | (48.2) | (25.0) |
| Tổng khối lượng giao dịch | Triệu | 6.577,7 | 7.043,4 | 118.3 |
| Tổng giá trị giao dịch | Tỷ VNĐ | 119.622 | 84.640 | 2.261 |

+ Bùng nổ hoạt động M&A

Năm 2011 qua đi để lại những dấu ấn thăng trầm của thị trường chứng khoán: những biến động trái chiều của thị trường, những nỗ lực của cơ quan quản lý với việc ban hành những văn bản quy định mới nhằm đảm bảo sự hoạt động minh bạch và ổn định của thị trường, những khó khăn của doanh nghiệp và nhà đầu tư... Trong bối cảnh đó, một trong những xu hướng được đánh giá là nổi bật năm 2011 là hàng loạt những thương vụ mua bán sáp nhập (M&A) doanh nghiệp diễn ra sôi động trong năm.

+ Chương trình công tác của Chính phủ năm 2012.

Chính phủ xác định mục tiêu tổng quát trong chỉ đạo, điều hành là ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm phúc lợi xã hội, an sinh xã hội và cải thiện đời sống nhân dân...

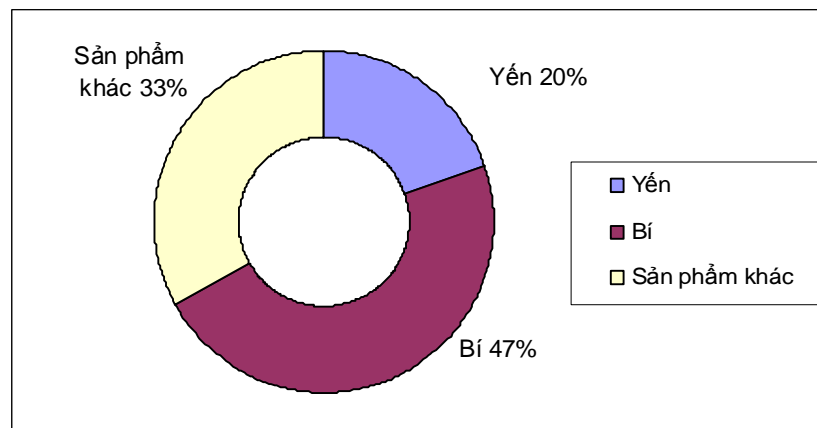
Các nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu trên được xác định là tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh và mở rộng thị trường; tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phát triển phúc lợi xã hội; tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, thực hiện tốt Quy chế làm việc và chương trình công tác...

c/ Công ty Interfood

Trong năm 2011, sau khi TOH được mua lại bởi Kirin, Công ty được tiếp quản bởi Ban gia tăng giá trị doanh nghiệp do Kirin cử sang, công ty tập trung vào việc tái cấu trúc toàn diện theo hướng chuyển đổi từ mô hình quản lý kiểu gia đình sang mô hình quản lý của công ty đa quốc gia.

Từ tháng 6 đến cuối năm 2011, Công ty đã nhận được khoản vay nội bộ nước ngoài từ Kirin trị giá 20 triệu Dollars Mỹ để thực hiện tái cấu trúc nguồn vốn và các khoản nợ để tăng hiệu suất dòng tiền và tài sản.

Công ty tiếp tục tập trung vào việc tổ chức lại sản xuất, giảm sản xuất các sản phẩm không có lợi thế cạnh tranh, cải tiến chất lượng sản phẩm phù hợp với sức khỏe và nhu cầu của người tiêu dùng. Tập trung vào xây dựng 2 dòng sản phẩm chủ lực là Trà bí đao, Nước Yên, thông qua việc nâng cấp chất lượng sản phẩm, xây dựng hình ảnh và gia tăng sự hiện diện tại các điểm bán, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, quản lý giá bán thống nhất nhằm hạn chế xung đột giá trên kênh, thâm nhập các kênh phân phối mới như cơ quan xí nghiệp, trường học, bệnh viện... Kết quả là đã tạo được vị thế vững chắc cho 2 dòng sản phẩm Trà Bí Đao và Nước Yên.



Xuất phát từ nhu cầu tái cấu trúc toàn diện công ty trong năm 2011, công ty không đặt chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu và lập kế hoạch giảm 17% so với năm 2010, tuy nhiên với những biến động mạnh và lạm phát cao của nền kinh tế, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, doanh thu thực hiện bằng VND của công ty chỉ đạt 98% so với kế hoạch.

5.3.2. CÁC NHÂN TỐ CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY

5.3.2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2011, lỗ trước thuế của Công ty Cổ phần thực phẩm Quốc tế là 2,6 triệu USD, không đạt theo kế hoạch đặt ra là lãi 99 ngàn USD. Nguyên nhân dẫn đến việc Công ty không đạt chỉ tiêu lợi nhuận đặt ra như sau:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu thuần bán hàng trong năm 2011 của công ty đạt 43,9 triệu USD, giảm 3% so với số kế hoạch là 45.2 triệu USD. Nguyên nhân: Ngoài những nguyên nhân khách quan như kinh tế khó khăn, lạm phát cao, người dân thắt chặt chi tiêu đối với các sản phẩm không thiết yếu, còn có các nguyên nhân chủ quan từ công ty là do công ty đang trong quá trình tái cấu trúc, ban điều hành mới của công ty đang thực hiện việc tái cấu trúc toàn diện trong đó tập trung vào việc cải tiến chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn của công ty đa quốc gia và thị hiếu của người tiêu dùng, tập trung sản xuất các sản phẩm chủ lực và loại bỏ sản xuất các sản phẩm không có tính cạnh tranh, cải tiến chính sách bán hàng đối với các kênh bán hàng và nhân viên bán hàng và sắp xếp lại hệ thống bán hàng phù hợp với định hướng lâu dài của công ty, tác động tích cực của việc tái cấu trúc có độ trễ và ảnh hưởng trực tiếp đến doanh số của công ty trong giai đoạn hiện tại.

b) Giá vốn hàng bán

Chi phí Giá vốn hàng bán thực hiện là 35.6 triệu USD, cao hơn số kế hoạch là 34.3 triệu USD, tăng 4 % so với kế hoạch. Nguyên nhân của việc chi phí giá vốn hàng bán tăng là do:

- Doanh thu giảm, trong khi chi phí cố định trong giá vốn hàng bán không giảm.
- Chi phí Nguyên vật liệu, bao bì tăng cao, đặc biệt giá mua lon nhôm tăng khoảng 10% so với năm 2010.
- Chi phí nhân công tăng cao, theo qui định lương tối thiểu người lao động trong năm tăng dẫn đến các bậc lương khác người lao động cũng tăng cao, trong năm 2011 tỉ lệ tăng lương của người lao động tăng khoảng 16 % so với năm 2010.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập từ hoạt động tài chính ở mức 1.6 triệu USD trong năm 2011 chủ yếu liên quan đến các khoản lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá. Do biến động tỷ giá khoảng 10 % trong năm 2011, dẫn đến việc công ty đạt mức thực hiện của chỉ tiêu thu nhập từ hoạt động tài chính tăng 85 % so với kế hoạch.

d) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính trong năm 2011 liên quan đến chi phí lãi vay 1.395 triệu USD và lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá là 649 ngàn USD. Chi phí tài chính giảm 7% so với chi phí dự kiến 1.430 triệu. Nguyên nhân là mặc dù ảnh hưởng mức lãi suất tiền vay trong năm 2011 tăng cao hơn năm 2010, tuy nhiên từ quý 2 năm 2011 công ty nhận được khoản vay nội bộ nước ngoài với lãi suất thấp (khoảng 1.7% năm) để thanh toán các khoản vay ngân hàng trong nước với lãi suất cao và bổ sung vốn lưu động, do đó tổng chi phí lãi vay giảm. Tuy nhiên tổng chi phí tài chính tăng do ảnh hưởng của mức thay đổi chênh lệch tỷ giá trong năm.

e) Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng giảm khoảng 10 % ảnh hưởng chủ yếu từ việc giảm sút doanh số dẫn đến chi phí hoa hồng bán hàng cho đội ngũ bán hàng giảm tương ứng, tuy nhiên chi phí vận chuyển hàng hóa còn khá cao do ảnh hưởng của tăng giá xăng dầu trong năm. Mặt khác, Công ty phải tăng cường xúc tiến để thu hút khách hàng, tăng cường hình ảnh thương hiệu và tăng doanh số bán hàng trong quý cuối cùng của năm cũng như chuẩn bị kế hoạch cho năm tiếp theo.

5.3.2.2. Hoạt động tài chính:

- Trong năm 2011, với sự tài trợ tài chính của Kirin, công ty đã thành công trong việc tái cấu trúc tình hình tài chính của mình, nhóm công ty IFS đã thanh toán toàn bộ các khoản nợ vay ngân hàng vào tháng 10/2011.

- Công ty TOH đã nhận chuyển nhượng toàn bộ khoản nợ của công ty đối với ông Pang Tee Chiang - nguyên Chủ tịch hội đồng quản trị công ty để trở thành chủ nợ của công ty khoản vay trung hạn trị giá khoảng 3.9 triệu USD với các điều kiện và điều khoản không đổi.

- Ngoài ra, Công ty cũng đã nhận được cam kết hỗ trợ tài chính từ Kirin để duy trì hoạt động, trong tình huống xấu.

- Chỉ số Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Phải trả ngắn hạn) năm 2011 là 0,40 lần giảm 5% so với năm 2010 (0,042 lần).

- Công ty đã tiếp cận được nguồn vay ngân hàng với lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn bằng VND ở mức 12% - 15,5%/năm, và 6% - 7%/năm đối với khoản vay bằng USD. Công ty cũng nhận được khoản vay nội bộ nước ngoài trị giá 20 triệu USD lãi suất khoảng 1.7% / năm để thanh toán các khoản nợ vay các ngân hàng nội địa và bổ sung nguồn vốn hoạt động.

5.3.2.3. Hoạt động đầu tư:

Trong năm 2011, công ty không thực hiện các hoạt động đầu tư mới ra bên ngoài, mà tập trung vào tái cấu trúc, đầu tư chiều sâu đối với chất lượng, mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm. Trong đó, phát triển sản phẩm đựng trong chai PET được ưu tiên nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng, tăng tính tiện dụng của sản phẩm và tiết kiệm chi phí.

Trong năm 2011 nhóm công ty Interfood đã tập trung đầu tư mới liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trị giá khoảng 1.2 triệu đô la Mỹ trong đó xây dựng hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1 với công suất 2,000 m³/ ngày để đưa nước thải của công ty đạt chuẩn đã cam kết trước khi thải ra ngoài và hệ thống lò hơi sử dụng nhiên liệu bằng than / trấu nhằm giảm thiểu tác động khí thải đối với môi trường và tiết giảm chi phí.

5.3.2.4. Các nhân tố thuận lợi:

- Dòng sản phẩm WONDERFARM đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng hiện đại **“sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên và có lợi cho sức khỏe”**.

-
- Ưu thế vượt trội về chất lượng, mẫu mã và luôn đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.
 - Sở hữu nhiều công nghệ sản xuất, dây chuyền hiện đại về nước giải khát, bánh và thực phẩm.
 - Sản phẩm WONDERFARM gần gũi với người tiêu dùng Việt Nam, nhưng độc đáo vì được đóng chai hoặc lon trong điều kiện sản xuất đặc biệt để giữ lại các chất bổ dưỡng, có lợi cho cơ thể.
 - Sản phẩm WONDERFARM đang được bán tại hơn 110.000 địa điểm bán lẻ trên toàn quốc và chúng tôi vẫn tiếp tục phát triển và mở rộng mạng lưới phân phối để bảo đảm sự thâm nhập hơn nữa vào thị trường.
 - Tăng cường quan hệ đối tác chiến lược bền vững với các nhà cung cấp, đảm bảo được nguồn nguyên liệu ổn định đáng tin cậy với giá cạnh tranh nhất trên thị trường;
 - Liên tục hiện đại hóa thiết bị sản xuất, công nghệ và tiếp tục cải tiến năng suất sản xuất và giảm thiểu chi phí sản xuất chung. Công ty tiếp tục kiểm soát cấu trúc chi phí để đưa ra những giá sản phẩm hợp lý nhất để đối mặt với cạnh tranh ngày càng tăng của thị trường.
 - Dòng sản phẩm truyền thống như Bí Đào, Nước Yên, Nha Đam, bánh các loại, thực phẩm đóng hộp, ... kết hợp với dòng sản phẩm hiện đại như Trà xanh các loại, sâm giải nhiệt, ... tất cả các sản phẩm nước giải khát này được đóng chai, lon hoặc hộp tiện lợi cho người sử dụng. Công ty đã kết hợp được tất cả ưu điểm của các yếu tố về chất lượng, mẫu mã, giá cả để tạo ra dòng sản phẩm mang đậm nét thương hiệu mạnh WONDERFARM như hiện nay;
 - Những nhân tố thuận lợi nói trên đã nhanh chóng tạo được sự quan tâm của khách hàng đối với thương hiệu WONDERFARM, là thương hiệu thấm sâu vào trái tim người tiêu dùng với hình ảnh là thương hiệu thân thiện, mức độ tin dùng và yêu thích đối với dòng sản phẩm nước giải khát, bánh và thực phẩm đóng hộp khác.

5.3.2.5. Các chính sách kiểm soát chi phí của Công ty

Kiểm soát chặt chẽ thu chi, thanh toán; theo dõi công nợ và thường xuyên thu thập thông tin, đánh giá tình hình tài chính của khách hàng; quản lý điều phối tốt dòng tiền bảo đảm cân đối tài chính cho các hoạt động theo kế hoạch tài chính/chi phí đã duyệt.

Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng, xuất nhập và tồn kho nguyên phụ liệu, vật tư kỹ thuật, bán thành phẩm và thành phẩm.

Cập nhật và cung cấp thông tin giá thành thực tế (*biến đổi nhanh theo chi phí nguyên vật liệu, điện, nhân công...*) làm cơ sở xây dựng giá bán cạnh tranh và phân tích giá thành thực tế để đánh giá hiệu quả theo từng sản phẩm.

Tất cả các phòng ban và phân xưởng đều xây dựng chương trình hành động để kiểm soát nhằm tiết kiệm điện năng, xăng dầu, nước, nhân lực, nguyên phụ liệu, văn phòng phẩm, chi phí vận chuyển giao hàng, giảm được phế liệu phế phẩm, loại bỏ các lãng phí đã nhận diện được, qua đó góp phần làm giảm giá thành và các chi phí hoạt động.

Thiết lập chế độ kiểm tra, thông tin, phản hồi, báo cáo nhằm phát hiện để chấn chỉnh xử lý kịp thời gắn liền với trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của từng cấp điều hành.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc vẫn duy trì quyết định cắt giảm tối đa:

- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý: sắp xếp lại bộ máy quản lý tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân có chất lượng đảm bảo năng lực quản trị, điều hành, và kiểm soát doanh nghiệp, hoàn thiện các quy trình công việc chuẩn mực, khoa học, hợp lý, áp dụng các phần mềm quản trị chuyên nghiệp.

- Cải tiến việc lập và lên kế hoạch sản xuất dẫn đến giảm thiểu hàng tồn kho: giúp tiết kiệm các chi phí liên quan như: chi phí xử lý nguyên vật liệu, lỗi thời, hao hụt...Giảm số lượng hàng tồn kho còn giúp Công ty kiểm soát tốt nguồn vốn hoạt động.

- Chi phí tài chính: Chuyển đổi các khoản vay lãi suất cao sang vay lãi suất thấp, chuyển khoản phải trả ngắn hạn thành vay trung hạn, tăng vòng quay vốn, giảm lượng hàng tồn kho để tiết giảm chi phí vốn.

5.3.2.6. Các chính sách, biện pháp để tối ưu hóa lợi nhuận thu được như sau:

a/ Chính sách tài chính

- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro nhằm giảm thiểu các tổn thất có thể xảy ra cho Công ty và cổ đông.

- Kiểm soát chặt chẽ việc cân đối nguồn vốn, đảm bảo tình hình tài chính ổn định, lành mạnh và tái cơ cấu vốn, đồng thời vốn hóa tài sản hợp lý.

- Tổ chức phân tích, đánh giá, kiểm soát các khoản chi phí, các hoạt động đầu tư trước khi thực hiện nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Tăng cường công tác dự báo và thường xuyên kiểm soát nội bộ theo đúng tiến độ thực hiện và tiến độ sử dụng ngân sách nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục tiêu hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

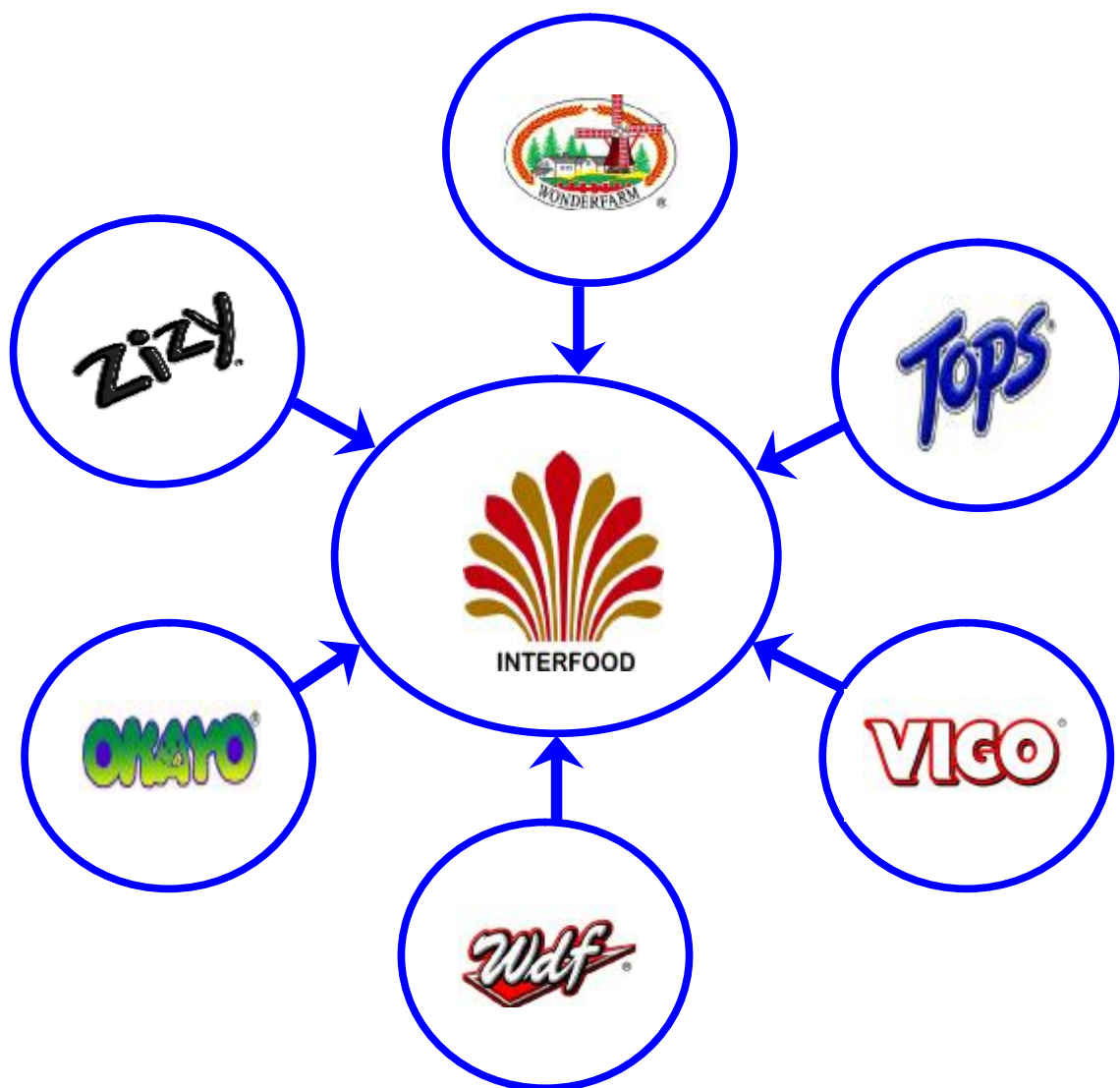
- Làm tốt công tác dự báo về biến động giá cả, thị trường, nguồn vốn, để có những hoạt động dự trữ nguyên vật liệu thích hợp

- Tiếp tục duy trì các mối quan hệ với các tổ chức Tín dụng, Ngân hàng; nghiên cứu khai thác các kênh tạo nguồn vốn nhằm gia tăng tiềm lực về tài chính doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu vốn dài hạn cho các dự án đầu tư.

b/ Chính sách quan hệ khách hàng

Đã thành lập và đưa vào hoạt động rất hiệu quả bộ phận chăm sóc khách hàng với nhiệm vụ: cùng phối hợp với bộ phận Marketing tổ chức thực hiện các chương trình chăm sóc khách hàng, tiếp nhận và giải quyết các thắc mắc và tư vấn cho khách hàng về sản phẩm.

5.4. DANH MỤC NHÃN HIỆU



5.5. SẢN PHẨM VÀ PHÂN PHỐI

5.5.1. MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH VỚI MẪU MÃ MỚI CỦA CÔNG TY

| | | | |
|---|---|--|---|
|  | <p>Bánh qui các loại</p> |  | <p>Bánh xốp</p> |
|  | <p>Nước trái vải (320ml)</p> |  | <p>Bánh Okayo</p> |
|  | <p>Nước chanh giây đóng hộp (320ml)</p> |  | <p>Nước yến đóng hộp (240ml)</p> |
|  | <p>Sá xị đóng hộp (320ml)</p> |  | <p>Nước cam ép đóng hộp (320ml)</p> |
|  | <p>Nước me đóng hộp (320ml)</p> |  | <p>Trà bí đào đóng hộp (320ml)</p> |

5.5.2. CÁC SẢN PHẨM MỚI CỦA CÔNG TY

| | | | |
|---|---|--|------------------------------------|
|  | <p>Nước trái cây đông kết Ice + (cam chanh/đào)</p> |  | <p>Trà bí đao chai PET (350ml)</p> |
|---|---|--|------------------------------------|

5.5.3. CHÍNH SÁCH SẢN PHẨM

Tiếp tục nghiên cứu và duy trì phát triển sản phẩm mới theo xu hướng và nhu cầu tiêu dùng của thị trường; *“sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên và có lợi cho sức khỏe”*.

Đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh các mặt hàng nước giải khát có lợi cho sức khỏe của người tiêu dùng thông qua thương hiệu chủ lực Wonderfarm và các thương hiệu nổi tiếng khác từ tập đoàn Kirin nhằm đáp ứng xu hướng tiêu dùng tăng nhanh đối với các mặt hàng nước giải khát đến từ thiên nhiên và có lợi cho sức khỏe con người;

5.5.4. KÊNH PHÂN PHỐI

Thiết kế mô hình phân phối mới mang tính chủ động cao, đảm bảo việc gia tăng và duy trì độ phủ bằng hoạt động bán lẻ chuyên sâu và đạt kết quả rất tốt, mô hình này sẽ tiếp tục được mở rộng ra các khu vực khác trên toàn quốc trong năm 2011. Mặt khác, cũng chú trọng đầu tư mạnh cho Marketing trong việc nghiên cứu quy hoạch và định vị lại sản phẩm, quy hoạch các dòng sản phẩm chủ lực có tiềm năng cao như Trà bí đao, Nước Yến, Trà Xanh, Nước Trái cây ... , cũng như đầu tư cho các công cụ Marketing nhằm hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động bán hàng. Công ty cũng đã kiểm soát tốt chi phí bán hàng bằng cách giao chỉ tiêu, đồng thời thâm định, theo dõi các chương trình khuyến mãi nhằm nâng cao hiệu quả và giảm lãng phí.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Công ty đã thực hiện chiến lược phát triển dựa vào hệ thống phân phối Truyền thống và Hiện đại. Với việc quản lý tập trung và thống nhất theo các chính sách chung, thông qua hệ thống phân phối, Interfood đã kiểm soát chặt chẽ chất lượng các sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng cuối cùng. Điều này đã tạo dựng niềm tin vững vàng đối với các sản phẩm của Interfood.

Kênh phân phối là công cụ tạo lực đẩy để gia tăng mức độ bao phủ hàng, đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

Hơn thế nữa, qua 20 năm phát triển, hệ thống phân phối bao phủ toàn quốc đã trở thành một ưu thế lớn của Interfood trong việc tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng, linh hoạt trong các chính sách bán hàng để tạo ra dòng tiền ổn định. Trong gian đoạn khủng hoảng kinh tế vừa qua hệ thống phân phối Truyền thống và Hiện đại càng phát huy vai trò chiến lược, duy trì tính thanh khoản trong Interfood để tạo cơ sở ổn định sản xuất, khai thác được các cơ hội đầu tư, đón đầu thị trường khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi.

Mạng lưới hệ thống phân phối của Interfood bao phủ rộng khắp cả nước với trên 110.000 điểm bán lẻ lớn nhỏ trên toàn quốc.

Trong năm 2011, Interfood tiếp tục việc cải tổ lại cấu trúc của hệ thống phân phối theo hướng chuẩn hóa kênh Truyền thống làm xương sống cho hệ thống phân phối, tạo nền tảng cho đà phát triển những năm sau.

Thị trường nội địa

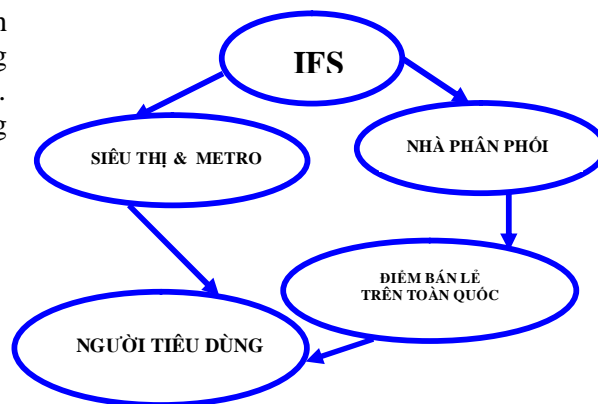
Doanh thu nội địa chiếm hơn 93% tổng doanh thu của Công ty và là thị trường chính trong chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty. Sản phẩm được phân phối đến người tiêu dùng thông qua hai kênh:

Truyền thống

Nhà phân phối → điểm bán lẻ → người tiêu dùng.

Hiện đại

Siêu thị Metro → người tiêu dùng



Thị trường xuất khẩu:

Doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ khoảng 7% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là các nước khu vực Châu Âu, Á, Úc, Mỹ, ...

Tiếp tục duy trì và mở rộng kinh doanh với khách hàng hiện tại, Công ty còn tích cực khai thác thị trường mới ở các nước khác nhau và khu vực. Công ty thường xuyên gửi các nhà quản lý của mình đi khảo sát các nhu cầu tiêu dùng của khách hàng ở nước ngoài để hiểu rõ hơn về tình hình thị trường và phát triển mối quan hệ tốt với khách hàng.

5.6. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

5.6.1. DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

Trong năm 2011, sự kiện Kirin mua lại toàn bộ TOH và thông qua TOH, Kirin sở hữu hơn 57% cổ phần của Interfood và trở thành công ty mẹ cuối cùng của Interfood, đã làm thay đổi toàn diện hoạt động của công ty. Từ quý 2 năm 2011, Kirin đã cử nhân viên tham gia vào Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Interfood và tiếp quản toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và nhân sự của công ty, từng bước thực hiện việc tái cấu trúc các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính và nhân sự của công ty theo mô hình công ty đa quốc gia.

Từ giữa năm 2011, công ty đã bắt đầu thực hiện việc hợp tác với các công ty cùng tập đoàn để nâng cao năng lực tài chính, thế mạnh trong sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Dưới sự tài trợ tài chính từ Kirin thông qua khoản vay nội bộ nước ngoài trị giá 20 triệu USD, trong năm 2011 Công ty đã thực hiện thành công tái cấu trúc nguồn vốn và các khoản nợ để tăng hiệu suất dòng tiền và tài sản.

Cuối năm 2011, công ty đã kiểm kê, đánh giá lại toàn bộ tài sản trong công ty bao gồm các tài sản cố định, hàng tồn kho, các khoản phải thu phải trả, thực hiện việc thanh lý hàng tồn kho không có nhu cầu sử dụng và hết hạn sử dụng, các tài sản không cần sử dụng, tiến hành xóa sổ một số các khoản phải thu phải trả không còn hoạt động nhiều năm.

5.6.2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2012

5.6.2.1. Tiếp tục theo đuổi mục tiêu của Công ty là "tối đa hóa giá trị của cổ đông" và chiến lược phát triển kinh doanh dựa trên những yếu tố chủ lực của năm 2012 sau:

Tiếp thị hiệu quả với giá bán cạnh tranh để có đầy đủ các đơn hàng trên cơ sở ưu tiên xuất khẩu và chọn lựa các khách hàng/đơn hàng nội địa có hiệu quả nhất để sản xuất.

Kiểm soát chặt chẽ để tiết kiệm vật tư nhiên liệu năng lượng, chống mọi biểu hiện lãng phí; thực hiện đồng bộ chương trình giảm phế liệu & chống sót lỗi hiệu quả - tập trung vào một số khâu then chốt.

Tiếp tục sử dụng các loại nguyên vật liệu, bao bì một cách hiệu quả để giảm chi phí sản xuất mà vẫn bảo đảm các thông số kỹ thuật & chất lượng sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ chất lượng cung cấp nguyên phụ liệu và vật tư kỹ thuật đầu vào, các định mức sử dụng vật tư sản xuất.

Kiểm soát chặt hoạt động cung ứng và có những biện pháp hợp lý về giá cả và khối lượng mua nguyên vật liệu trong tình hình thị giá nguyên liệu tăng và thay đổi nhanh theo tỷ giá USD, không để xảy ra tình trạng giá bình quân tồn kho cao hơn thị trường kể cả những khi thị giá có giảm đột biến.

Chú trọng quản trị rủi ro tài chính, kiểm soát tốt dòng tiền. Theo dõi xu hướng tỷ giá để khai thác lợi thế của nguồn thu USD từ bán hàng. Thường xuyên rà soát giá thành thực tế để có những chọn lựa và điều chỉnh phù hợp về chi phí sản xuất, giá bán.

Theo dõi cập nhật thường xuyên thông tin về chính sách tài chính kinh tế của các quốc gia và của nhà nước VN, về giá cả (*đầu vào và đầu ra*), về thị trường và khách hàng của công ty, từ đó có những quyết định linh hoạt, kịp thời, cụ thể, phù hợp với điều kiện khách quan/chủ quan và hiệu quả nhất.

- Ø Đầu tư phát triển hệ thống phân phối Truyền thống và Hiện đại.
- Ø Đa dạng hóa sản phẩm: Để mở rộng phạm vi sản phẩm của công ty bằng cách phát triển sản phẩm mới.
- Ø Phát triển thương hiệu mạnh và thân thiện.
- Ø Để thúc đẩy hình ảnh của thương hiệu công ty phát triển và tiếp thị dòng sản phẩm mới là trà các loại và các sản phẩm nước trái cây có lợi cho sức khỏe được thiết kế bao bì nhựa (chai PET).
- Ø Thực hiện các chương trình marketing sáng tạo, đa dạng, hiệu quả để xây dựng hệ thống thương hiệu của Interfood ngày càng vững mạnh, tạo uy tín, thân thiện với người tiêu dùng trong lĩnh vực nước giải khát và thực phẩm.
- Ø Để tăng cường lợi nhuận và khả năng cạnh tranh bằng cách thực hiện một kế hoạch tiết kiệm chi phí nhưng chất lượng sản phẩm vẫn không đổi đồng thời kết hợp với việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm;
- Ø Đầu tư vào con người bằng cách đào tạo và giữ chân nhân tài qua việc Người lao động được đảm bảo thu nhập và việc làm; đời sống vật chất và tinh thần luôn được nâng cao để họ yên tâm công tác và phát huy được tính sáng tạo, chủ động trong công việc.

5.6.2.2. Sự hợp lực và chiến lược giữa Kirin và Interfood

Chiến lược rõ ràng

§ Thực hiện chiến lược hợp tác rõ ràng gắn kết với tầm nhìn của Tập Đoàn Kirin.

§ Thực hiện tốt cơ cấu truyền thông xác lập rõ ràng để chia sẻ chiến lược và tầm nhìn doanh nghiệp mới của Interfood.

Phát triển sản phẩm/Hỗ trợ công nghệ liên quan

§ Sử dụng kỹ thuật chuyên môn của Tập Đoàn Kirin phối hợp với mối quan hệ khách hàng để hỗ trợ phát triển sản phẩm.

§ Hỗ trợ mạnh mẽ cho sự phát triển các sản phẩm trà xanh, trà đen, nước khoáng, các loại nước uống có ga và các sản phẩm khác có thể được cung cấp.

§ Hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến công nghệ chế tạo, sản xuất, đóng gói và kiểm định chất lượng.

Hệ thống Chuỗi Cung ứng được thiết lập tốt (SCM)

§ Thực hiện tốt cơ cấu chia sẻ thông tin được thiết lập tốt giữa Kinh Doanh và Sản xuất để nâng cao năng lực SCM của Interfood.

§ Giới thiệu các kiến thức và kinh nghiệm của Tập Đoàn Kirin để đạt được sự tiến bộ hơn nữa đối với chất lượng sản phẩm và việc giảm chi phí sản xuất.

Cùng mua hàng

§ Cùng mua các nguyên liệu để bảo đảm nguồn cung ổn định và giảm chi phí.

Hỗ trợ xây dựng kênh phân phối “Thương mại Hiện Đại”

§ Cung cấp bí quyết kinh doanh mà Tập Đoàn Kirin tích lũy được thông qua một loạt các kênh phân phối sản phẩm rộng lớn (siêu thị, cửa hàng giảm giá, cửa hàng tiện lợi, v.v.) trong thị trường cạnh tranh tại Nhật Bản.

Tăng cường khả năng tiếp thị

§ Thực hiện tốt cơ chế tiếp thị được xác lập rõ ràng.

§ Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại.

Phát triển nguồn nhân lực

§ Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.

§ Hỗ trợ cho các chuyên gia và các nhà chuyên môn, những người cam kết mang lại sản phẩm có chất lượng cao và an toàn.

§ Hỗ trợ kỹ năng phát triển cho các nhân viên của Interfood thông qua trao đổi cá nhân, v.v.

5.6.2.3. Lộ trình 03 bước tiếp cận hợp tác giữa Kirin và Interfood

Chương trình được thực hiện từ quý 2 năm 2011 đến cuối năm 2012 đi theo 3 bước tiếp cận để mở rộng hoạt động kinh doanh của Interfood bằng cách sử dụng năng lực của Tập Đoàn Kirin cho đến cuối năm 2012.

- Bước 1: Bắt đầu hợp tác.
- Bước 2: Kết nối triển khai
- Bước 3: Tối đa hóa năng lực của Tập Đoàn Kirin

| Bước 1: Cuối tháng Sáu 2011 | Bước 2: Cuối năm 2011 | Bước 3: Cuối năm 2012 |
|---|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Chiến lược mới và tổ chức được triển khai. - Thành lập Đội nâng Cao Giá Trị Công ty. - Lập kế hoạch những chương trình nâng cao giá trị cần hoàn thành. - Toàn bộ nhân viên của Interfood hiểu rõ và có cùng quan điểm về chiến lược cũng như lộ trình cho đến năm 2012. | <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch những chương trình nâng cao giá trị cần hoàn thành. - Hợp tác với Tập Đoàn Kirin được triển khai. | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng năng lực của Tập Đoàn Kirin để tối đa hóa hoạt động kinh doanh của Interfood. - Tối đa hóa hiệu quả trong khu vực Đông Nam Á bằng việc sử dụng năng lực của Tập Đoàn Kirin để mang lại kết quả cao (ví dụ: dịch vụ được chia sẻ, thu mua tập trung, v.v). |

5.7. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH NĂM 2012 (HỢP NHẤT)

| CHỈ TIÊU | Thực hiện 2011 | | Kế hoạch 2012 | |
|--|-------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | USD | Triệu VND | USD | Triệu VND |
| Tổng doanh thu | 43,905,391 | 914,461 | 68,849,688 | 1,434,001 |
| <u>Các khoản giảm trừ</u> | <u>-1,148,305</u> | <u>-23,916</u> | <u>-1,398,060</u> | <u>-29,119</u> |
| Doanh thu thuần | 42,757,086 | 890,545 | 67,451,628 | 1,404,883 |
| Giá vốn hàn bán | -35,600,946 | -741,497 | -49,258,194 | -1,025,950 |
| <u>Lợi nhuận gộp</u> | <u>7,156,140</u> | <u>149,048</u> | <u>18,193,434</u> | <u>378,933</u> |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 1,599,913 | 33,323 | 0 | 0 |
| Chi phí hoạt động tài chính | -2,052,684 | -42,753 | -500,000 | -10,414 |
| Chi phí bán hàng | -7,186,764 | -149,686 | -12,597,006 | -262,370 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | -1,869,546 | -38,939 | -2,504,849 | -52,171 |
| <u>Cộng chi phí</u> | <u>-9,509,081</u> | <u>-198,055</u> | <u>-15,601,856</u> | <u>-324,955</u> |
| Lãi từ hoạt động kinh doanh | -2,352,941 | -49,007 | 2,591,578 | 53,977 |
| <u>Lãi khác thuần</u> | <u>-275,174</u> | <u>-5,731</u> | <u>-</u> | <u>0</u> |
| <u>Lãi / (lỗ) trước thuế</u> | <u>-2,628,115</u> | <u>-54,738</u> | <u>2,591,578</u> | <u>53,977</u> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | -103,794 | -2,162 | -647,895 | -13,494 |
| <u>Lãi / (lỗ) sau thuế</u> | <u>-2,731,909</u> | <u>-56,900</u> | <u>1,943,684</u> | <u>40,483</u> |

Phác thảo kế hoạch kinh doanh năm 2012

- Với kinh nghiệm và lợi thế của công ty trong suốt 20 năm qua trong lĩnh vực thực phẩm và nước giải khát, bên cạnh việc tiếp tục mở rộng sản xuất và cải tiến chất lượng, mẫu mã các mặt hàng truyền thống có thể mạnh của mình, trong năm 2012 công ty tiếp tục hợp tác với các công ty cùng tập đoàn Kirin để tạo ra sức mạnh tổng hợp của mình trong việc sản xuất và phân phối các sản phẩm mới có chất lượng và nổi tiếng trên thế giới để đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa của người tiêu dùng.

- Ưu tiên phát triển sản xuất các loại sản phẩm nước giải khát không gas đựng trong chai PET nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng với tính tiện dụng, chất lượng của sản phẩm và giá thành hạ.

- Bổ sung thêm mục tiêu kinh doanh của công ty về việc thực hiện quyền phân phối các loại sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy sản, các loại bánh, kẹo và nước giải khát không ga và có ga.

- Công ty dự kiến doanh thu bán hàng năm 2012 đạt khoảng 68.8 triệu Dollars Mỹ tăng 57% so với năm 2011, lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt khoảng 4% so với doanh thu.

5.8. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN NĂM 2011:

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2011 | 2010 |
|---|--------|----------------|-------|
| | | | |
| Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn | | | |
| Cơ cấu tài sản | | | |
| Tài sản dài hạn/tổng tài sản | % | 70,91 | 72,62 |
| Tài sản lưu động/tổng tài sản | % | 29,09 | 27,38 |
| Cơ cấu vốn | | | |
| Nợ phải trả/tổng nguồn vốn | % | 88,01 | 80,21 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn | % | 11,99 | 19,79 |
| Khả năng thanh toán | | | |
| Tổng tài sản/nợ phải trả | lần | 1,14 | 1,25 |
| Khả năng thanh toán hiện hành | lần | 0,40 | 0,42 |
| Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0,08 | 0,01 |
| Tỷ suất sinh lời | | | |
| Lỗ/doanh thu thuần | | | |
| Lỗ trước thuế/doanh thu thuần | % | (6,15) | 1,14 |
| Lỗ sau thuế/doanh thu thuần | % | (6,39) | 0,71 |
| Lỗ/tổng tài sản | | | |
| Lỗ trước thuế/tổng tài sản | % | (7,79) | 1,81 |
| Lỗ sau thuế/tổng tài sản | % | (8,10) | 1,12 |
| Lỗ sau thuế/vốn chủ sở hữu | % | (67,53) | 5,65 |

5.9. CẤU TRÚC CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU

5.9.1. CẤU TRÚC CỔ ĐÔNG

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | Cổ đông nước ngoài | | Tổng | |
|---------------------------------|--------------------|----------------|--------------------|----------------|-------------------|-----------------|
| | Số lượng cổ phần | % | Số lượng cổ phần | % | Số lượng cổ phần | % |
| 1. Cổ đông Nhà nước | 0 | 0.000% | | 0.000% | | 0.000% |
| - Cổ đông ủy quyền | | | | | | 0.000% |
| - Cổ đông được cấp | | | | | | 0.000% |
| - Cổ đông khác | | | | | | 0.000% |
| 2. Cổ đông đặc biệt | 12,000 | 0.041% | 23,503,094 | 80.653% | 23,515,094 | 80.694% |
| - Cổ đông Hội đồng quản trị | 12,000 | 0.041% | | | 12,000 | 0.041% |
| - Ban giám đốc | | | | | | 0.000% |
| - Ban kiểm soát | | 0.000% | | 0.000% | - | 0.000% |
| - Cổ đông khác (CĐ sáng lập) | | | 23,503,094 | 80.653% | 23,503,094 | 80.653% |
| 3. Cổ đông trong Công ty | 0 | 0.00% | 8 | 0.00% | 8 | 0.000% |
| - Cổ phiếu quỹ | | | 8 | 0.000% | 8 | 0.000% |
| - Cổ đông ưu đãi | | | | | | 0.000% |
| 4. Cổ đông thường | 3,504,533 | 12.026% | 2,121,357 | 7.280% | 5,625,890 | 19.306% |
| Tổng cộng | 3,516,533 | 12.067% | 25,624,459 | 87.933% | 29,140,992 | 100.000% |

5.9.2. CẤU TRÚC CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG CÓ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | Cổ đông nước ngoài | | Tổng | |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------------|------------------------------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ % /Giá trị cổ phiếu niêm yết | Giá trị | Tỷ lệ % /Giá trị cổ phiếu niêm yết | Giá trị | Tỷ lệ % /Giá trị cổ phiếu niêm yết |
| 1. Cổ đông Nhà nước | | 0.000% | | 0.000% | | 0.000% |
| - Cổ đông ủy quyền | | | | | | |
| - Cổ đông được cấp | | | | | | |
| - Cổ đông khác | | | | | | |
| 2. Cổ đông đặc biệt | 120,000,000 | 0.175% | 12,374,690,000 | 17.999% | 12,494,690,000 | 18.173% |
| - Cổ đông Hội đồng quản trị | 120,000,000 | 0.175% | - | | 120,000,000 | 0.175% |
| - Ban giám đốc | - | | - | | - | |
| - Ban kiểm soát | - | 0.000% | - | 0.000% | - | 0.000% |
| - Cổ đông khác (CĐ sáng lập) | | | 12,374,690,000 | 17.999% | 12,374,690,000 | 17.999% |
| 3. Cổ đông trong Công ty | | 0.000% | | 0.000% | | 0.000% |
| - Cổ phiếu quỹ | | | | | | |
| - Cổ đông ưu đãi | | | | | | |
| 4. Cổ đông thường | 35,045,330,000 | 50.972% | 21,213,570,000 | 30.854% | 56,258,900,000 | 81.827% |
| Tổng cộng | 35,165,330,000 | 54.29% | 33,588,260,000 | 45.71% | 68,753,590,000 | 100.00% |

Trên đây là cơ cấu cổ đông đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 13/03/2012 để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.

5.9.3. CỔ TỨC

Công ty bị lỗ trong năm 2011 nên công ty không kê khai và chia cổ tức năm 2011 do lỗ phát sinh trong hoạt động kinh doanh năm 2011.

Các sự kiện khác liên quan đến báo cáo thường niên được trình bày trong báo cáo tóm tắt và báo cáo của kiểm toán 2011 đính kèm.

**Thay mặt Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế
Chủ tịch Hội Đồng quản trị**

(Đã ký và đóng dấu)

MICHIO NAGABAYASHI